

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 47

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Chủ tịch thường trực	bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2023
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên	
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên	
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên	
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên	
Ông Lim Heon Young	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Thường trực kiêm Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023 miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023
Ông Đinh Xuân Cường Bà Nguyễn Thị Tiệp	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Thường trực	miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023 bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023
Bà Hòa Thị Thu Hà Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng giám đốc Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023
Ông Nguyễn Lê Thăng Long Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày 26 tháng 1 năm 2023 là Ông Đinh Xuân Cường và từ ngày 27 tháng 1 năm 2023 đến ngày lập báo cáo là ông Phạm Đỗ Huy Cường.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đề ngày 30 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 12111413/22963873

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2023-004-1



Nguyễn Văn Huy
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5592-2020-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2022


Đơn vị tính: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		104.935.085.241	464.778.753.097
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.598.465.910	86.417.051.039
111	1. Tiền		598.465.910	26.417.051.039
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	60.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	28.500.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		28.500.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		65.102.836.491	370.394.443.908
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	28.598.459.549	144.728.760.641
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	10.540.000.000	45.813.729.972
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	4.870.000.000	141.175.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	27.724.789.545	38.676.953.295
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(6.630.412.603)	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	6.404.048.807	6.684.243.633
141	1. Hàng tồn kho		6.404.048.807	6.684.243.633
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.329.734.033	1.283.014.517
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.329.734.033	1.283.014.517
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.444.391.267.501	3.133.093.079.699
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		866.140.358	13.843.866.716
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	12.977.726.358
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	866.140.358	866.140.358
220	II. Tài sản cố định		6.341.397.264	2.911.754.572
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.073.565.781	2.591.892.059
222	Nguyên giá		5.269.073.281	4.099.129.547
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.195.507.500)	(1.507.237.488)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.267.831.483	319.862.513
228	Nguyên giá		3.609.829.953	456.372.200
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(341.998.470)	(136.509.687)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		2.268.200.430	90.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.268.200.430	90.000.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	3.433.689.845.867	3.115.105.346.601
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.433.689.845.867	3.115.105.346.601
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.225.683.582	1.142.111.810
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.225.683.582	1.142.111.810
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.549.326.352.742	3.597.871.832.796

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		694.985.308.451	804.760.472.436
310	I. Nợ ngắn hạn		246.354.666.361	160.119.283.910
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	14.739.559.200	2.071.225.069
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	5.932.962.501	5.480.551.670
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.347.007.382	2.088.738.481
314	4. Phải trả người lao động		3.609.444.296	1.643.258.701
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	15.100.273.973	27.207.395.977
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		458.333.333	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	11.810.266.643	1.316.249.940
320	8. Vay ngắn hạn	18	189.356.819.033	120.311.864.072
330	II. Nợ dài hạn		448.630.642.090	644.641.188.526
338	1. Vay dài hạn	18	448.630.642.090	644.641.188.526
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.854.341.044.291	2.793.111.360.360
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	2.854.341.044.291	2.793.111.360.360
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.511.991.480.000	2.024.223.220.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.438.842.680.000	1.951.074.420.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		73.148.800.000	73.148.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		169.232.179.100	657.000.439.100
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		173.117.385.191	111.887.701.260
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		111.887.701.260	47.567.217.614
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		61.229.683.931	64.320.483.646
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.549.326.352.742	3.597.871.832.796


Hồ Thị Hòa
Người lập kế toán trưởng


Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	200.993.230.329	300.138.912.574
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	200.993.230.329	300.138.912.574
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(157.514.459.343)	(247.612.827.661)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.478.770.986	52.526.084.913
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	181.121.719.105	129.558.178.871
22 23	6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)</i>	22	(90.157.482.392) (61.663.611.133)	(74.816.172.795) (63.516.609.620)
25	7. Chi phí bán hàng		(1.724.613.298)	(335.065.000)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(52.964.481.390)	(35.982.117.446)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		79.753.913.011	70.950.908.543
31	10. Thu nhập khác		151.266.969	13.862.391
32	11. Chi phí khác		(5.465.028)	(1.000.000.000)
40	12. Lợi nhuận/(lỗ) khác		145.801.941	(986.137.609)
50	13. Tổng lợi nhuận trước thuế		79.899.714.952	69.964.770.934
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(12.865.166.314)	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		67.034.548.638	69.964.770.934




Hồ Thị Hòa
Người lập kiêm Kế toán trưởng


Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		79.899.714.952	69.964.770.934
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	24	893.758.795	626.771.286
03	Các khoản dự phòng	8	6.630.412.603	-
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		(935.206.594)	124.339.818
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(154.593.556.520)	(122.620.300.815)
06	Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	22	67.013.611.129	67.962.442.949
08	(Lỗ)/lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.091.265.635)	16.058.024.172
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		95.733.947.979	(120.052.877.013)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		280.194.826	(6.031.776.942)
11	Tăng các khoản phải trả		26.394.797.685	4.895.918.176
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(130.291.288)	230.397.884
14	Tiền lãi vay đã trả		(72.678.785.918)	(71.808.001.363)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.876.640.086)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		38.631.957.563	(176.708.315.086)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.086.570.843)	(1.335.520.005)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(433.970.000.000)	(303.425.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		541.775.000.000	162.250.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(699.548.174.412)	(582.915.435.201)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		588.776.937.059	126.286.120.100
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.897.911.714	84.036.559.716
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		16.845.103.518	(515.103.275.390)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	557.164.280.000
33	Tiền thu từ đi vay		156.378.273.267	534.006.415.523
34	Tiền trả nợ gốc vay		(288.866.877.504)	(400.695.695.414)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(5.804.864.707)	(6.103.475.953)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(138.293.468.944)	684.371.524.156
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(82.816.407.863)	(7.440.066.320)
60	Tiền đầu năm		86.417.051.039	93.876.841.515
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.177.266)	(19.724.156)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	3.598.465.910	86.417.051.039


Hồ Thị Hòa
Người lập kiêm Kế toán trưởng


Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 85 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 92 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 16 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 16 công ty con) với thông tin chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty Nhựa An Phát Xanh”)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	52,79	52,79	Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa.
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”) ^(*)	Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	28,96	54,85	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa.
3	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”) ^(*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	48,58	92,02	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
4	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”) ^(*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	24,77	51	Kinh doanh và phát triển hạ tầng khu công nghiệp
5	An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd (“Công ty An Thành Singapore”) ^(*)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	28,96	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
6	Công ty Cổ phần An Thành Biscol ("Công ty An Thành") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	40,47	99,69	Kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín") (*)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	28,67	99	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và biển dương.
8	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh") (**)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	52,76	99,95	Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.
9	Công ty An Phát International, Inc. ("Công ty APA") (***)	Tòa nhà văn phòng 10701, Dãy 268, thành phố Stafford, bang Texas, Mỹ	52,79	99,999	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
10	Công ty AFC EcoPlastics, LLC ("Công ty AFC") (***)	PO Box 1831, thành phố Austin, bang Texas 78767, Mỹ	39,59	75	Kinh doanh hạt nhựa
11	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội") (*)	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	52,70	75,10	Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu.
12	Công ty TNHH An Trung Industries ("Công ty An Trung") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	52,70	100	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
13	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM ("Công ty VIEXIM") (*)	Thôn Hảo, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	52,70	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa.
14	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam ("Công ty VMC") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	52,70	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.
15	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường") (*) (***)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	52,70	99,98	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất.
16	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT") (**)	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng	50,11	81,82	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

(*) Công ty sở hữu các công ty con này trực tiếp và gián tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc một số công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.

(**) Trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 8.500.000 cổ phiếu NHH, tương đương với 23,32% cổ phần trong Công ty Nhựa Hà Nội cho Công ty Nhựa An Phát Xanh. Trong tháng 5 năm 2022, Công ty hoàn tất việc mua thêm 4.086.416 cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Nhựa Hà Nội. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty Nhựa Hà Nội sau các giao dịch này giảm 5,46%.

Cũng trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc góp thêm 14 tỷ VND vào Công ty PBAT theo đăng ký kinh doanh mới, theo đó, tổng giá trị vốn góp của Công ty là 120 tỷ VND. Tháng 4 năm 2022, Công ty PBAT phát hành thêm cổ phần riêng lẻ cho các nhà đầu tư, tăng vốn điều lệ lên 296 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty PBAT sau các giao dịch này giảm 59,46%.

Trong tháng 9 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 3.600.000 cổ phần Công ty PBAT với tổng giá trị 64,8 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty PBAT giảm 12,16%.

(***) Trong tháng 3 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc thực hiện chuyển quyền sở hữu 6.694.213 cổ phiếu AAA nhằm thực hiện thanh toán một phần nợ gốc trái phiếu phát hành ngày 3 tháng 7 năm 2020 với tổng giá trị là 81 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Nhựa An Phát Xanh sau giao dịch này là 48,7%.

Trong tháng 7 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc mua thêm 40.800.000 cổ phiếu của Công ty Nhựa An Phát Xanh với giá mua 12.000 VND/cổ phiếu bằng hình thức đấu giá. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Nhựa An Phát Xanh là 52,26%.

Từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc mua thêm 2.000.000 cổ phiếu của Công ty Nhựa An Phát Xanh bằng hình thức khớp lệnh. Sau các giao dịch này, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Nhựa An Phát Xanh là 52,79%.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 9. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đề ngày 30 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	18 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc người phát hành phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu phải được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu. Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu nếu người phát hành không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

3.14 Trái phiếu hoán đổi

Trái phiếu hoán đổi, mà có thể được hoán đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định của Công ty, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền hoán đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) trừ trường hợp không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu theo điều khoản hợp đồng (toàn bộ khoản trái phiếu được ghi nhận là nợ phải trả).

Trái phiếu hoán đổi, mà có thể được hoán đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông của đơn vị, khác với đơn vị phát hành (Công ty), được ghi nhận toàn bộ là nợ phải trả và trình bày trên chỉ tiêu vay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu liên quan đến hoạt động tư vấn và các dịch vụ có liên quan khác được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và kết quả hợp đồng có thể được xác định một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo hoạt động kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	143.396.560	411.777.694
Tiền gửi ngân hàng (i)	455.069.350	26.005.273.345
Các khoản tương đương tiền (ii)	3.000.000.000	60.000.000.000
TỔNG CỘNG	3.598.465.910	86.417.051.039

(i) Tiền gửi bao gồm tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại.

(ii) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại đáo hạn từ tháng 1 đến tháng 2 năm 2023 với lãi suất từ 4,6% đến 5,1%/năm (2021: lãi suất 3,0%/năm).

5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu (i)	28.500.000.000	28.500.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	28.500.000.000	28.500.000.000	-	-

(i) Đây là khoản trái phiếu doanh nghiệp được cam kết bán cho một bên khác vào tháng 8 năm 2023 với giá bán quy định tại hợp đồng mua bán với Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("Công ty VPS"). Toàn bộ số trái phiếu trên được quản lý và phong tỏa tại Công ty VPS cho đến khi được bán cho bên khác.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Sabic Asia Pacific PTE Ltd	6.774.413.082	8.424.683.550
Công ty Gulf Polymers Distribution	2.742.572.157	3.043.112.007
Công ty Green Industria E Comercio De Plasticos	1.255.755.110	-
Công ty Cổ phần Giải Pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt (i)	-	3.223.500.000
Công ty Manauense Indústria e Comércio de Plásticos Ltda	-	9.951.834.000
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	-	72.000.000.000
Phải thu từ các đối tượng khác	-	4.885.837.700
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	17.825.719.200	43.199.793.384
TỔNG CỘNG	28.598.459.549	144.728.760.641

(i) Từ ngày 5 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt ("Công ty Nam Việt") trở thành Công ty liên kết với Công ty, số dư cuối năm của Công ty Nam Việt giá trị 3,2 tỷ VND được trình bày tại Thuyết minh số 26.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Formosa Plastics Corporation. U.S.A	-	21.294.743.489
Công ty Quantum Polymers, Inc	-	4.542.715.227
Trả trước cho người bán khác	285.750.000	3.575.601.256
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	10.254.250.000	16.400.670.000
TỔNG CỘNG	10.540.000.000	45.813.729.972

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Các đối tác doanh nghiệp (i)	1.000.000.000	67.000.000.000
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 26)	3.870.000.000	74.175.000.000
TỔNG CỘNG	4.870.000.000	141.175.000.000

(i) Đây là khoản cho đối tác doanh nghiệp vay tín chấp theo hợp đồng cho vay đáo hạn vào tháng 2 năm 2023, hưởng lãi suất 9%/năm.

8. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	17.329.788.153	6.630.412.603	16.958.567.727	-
Tạm ứng cho nhân viên	7.391.141.650	-	11.004.343.513	-
Lãi cho vay phải thu	1.820.969.863	-	7.309.807.396	-
Đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn	1.034.447.349	-	3.368.343.327	-
Phải thu khác	148.442.530	-	35.891.332	-
TỔNG CỘNG	27.724.789.545	6.630.412.603	38.676.953.295	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	21.677.004.800		24.422.390.657	
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	6.047.784.745		14.254.562.638	
Dài hạn				
Ký quỹ dài hạn	866.140.358	-	866.140.358	-
TỔNG CỘNG	866.140.358	-	866.140.358	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	866.140.358	-	866.140.358	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(i) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương (“Công ty Hoàng Phương”) và Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Bảo Yên. Công ty đã góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện đóng mới, vận hành, khai thác tàu du lịch Hoàng Phương QN8589. Theo điều khoản của hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty nhận được phí khai thác cố định hàng tháng sau khi tàu đi vào vận hành. Công ty đang trong quá trình đàm phán với các đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư này.

Khoản phải thu ngắn hạn nêu trên bao gồm phí chuyển nhượng và lãi phải thu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản mục này theo Thông tư 48/2019/TT-BTC.

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng đang đi trên đường	5.174.339.902	-	6.145.351.830	-
Nguyên liệu, vật liệu	556.715.446	-	515.798.264	-
Chi phí sản xuất dở dang	508.715.090	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	164.278.369	-	23.093.539	-
TỔNG CỘNG	6.404.048.807	-	6.684.243.633	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	118.500.000	481.000.000	1.794.420.000	1.705.209.547	4.099.129.547
- Mua trong năm	-	116.500.098	1.053.443.636	-	1.169.943.734
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	118.500.000	597.500.098	2.847.863.636	1.705.209.547	5.269.073.281
Trong đó:					
- Đã khấu hao hết	-	-	-	-	-
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	65.302.419	53.670.699	787.733.127	600.531.243	1.507.237.488
- Khấu hao trong năm	14.812.500	75.761.936	295.231.854	302.463.722	688.270.012
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	80.114.919	129.432.635	1.082.964.981	902.994.965	2.195.507.500
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	53.197.581	427.329.301	1.006.686.873	1.104.678.304	2.591.892.059
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	38.385.081	468.067.463	1.764.898.655	802.214.582	3.073.565.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	456.372.200	-	456.372.200
- Mua trong năm	560.240.000	2.593.217.753	3.153.457.753
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.016.612.200	2.593.217.753	3.609.829.953
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	-	-
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	136.509.687	-	136.509.687
- Khấu hao trong năm	159.149.764	46.339.019	205.488.783
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	295.659.451	46.339.019	341.998.470
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	319.862.513	-	319.862.513
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	720.952.749	2.546.878.734	3.267.831.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ năm giữ trực tiếp	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ năm giữ trực tiếp	Dự phòng (VND)
Đầu tư vào công ty con		3.433.689.845.867	3.115.105.346.601	
- Công ty Nhựa An Phát Xanh (i) (ii)	52,79%	2.945.026.293.230	2.544.121.436.339	- 3.042.516.808.800
- Công ty Nhựa Hà Nội (i) (ii)	27,66%	404.563.552.637	458.258.010.262	- 545.719.218.000
- Công ty PBAT	28,38%	84.000.000.000	106.000.000.000	-
- Công ty An Vinh	0,00%	-	5.225.900.000	-
- Công ty An Cường	0,02%	100.000.000	1.500.000.000	-
TỔNG CỘNG		3.433.689.845.867	3.115.105.346.601	-

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa An Phát Xanh và Công ty Nhựa Hà Nội được tính dựa trên giá cổ phiếu của các công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày 30 tháng 12 năm 2022.

Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó không trích lập dự phòng.

(ii) Một số cổ phiếu của các công ty con này đang được cầm cố cho khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

(iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang trong quá trình thu thập dữ liệu cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Sabcic Asia Pacific PTE Ltd	14.717.894.400	-
Công ty Shandong Xieheng Plastic Additives Co., Ltd	-	2.031.742.440
Phải trả khác	12.960.000	-
Phải trả bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 26)	8.704.800	39.482.629
TỔNG CỘNG	<u>14.739.559.200</u>	<u>2.071.225.069</u>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty MountainLux DMCC	-	1.956.451.200
Công ty Polystar Plastic Limited	-	1.570.989.450
Công ty Primazol Corp	-	1.247.195.400
Đối tượng khác	49.450.000	705.915.620
Trả trước từ bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 26)	5.883.512.501	-
TỔNG CỘNG	<u>5.932.962.501</u>	<u>5.480.551.670</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.053.467.906	12.588.333.298	(12.547.973.299)	2.093.827.905
Thuế thu nhập cá nhân	35.270.575	984.090.427	(754.707.753)	264.653.249
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12.865.166.314	(9.876.640.086)	2.988.526.228
Thuế, phí khác	-	1.422.081.870	(1.422.081.870)	-
TỔNG CỘNG	<u>2.088.738.481</u>	<u>27.859.671.909</u>	<u>(24.601.403.008)</u>	<u>5.347.007.382</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi vay và lãi trái phiếu	15.100.273.973	26.630.794.512
Chi phí phải trả khác	-	576.601.465
TỔNG CỘNG	<u>15.100.273.973</u>	<u>27.207.395.977</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả theo thư tín dụng (L/C) (*)	9.603.019.800	-
Cổ tức phải trả	818.096.266	818.096.266
Lãi vay phải trả	515.345.754	-
Phải trả ngắn hạn khác	873.804.823	498.153.674
TỔNG CỘNG	<u>11.810.266.643</u>	<u>1.316.249.940</u>

Trong đó:

<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>1.688.433.933</i>	<i>818.096.266</i>
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	<i>10.121.832.710</i>	<i>498.153.674</i>

(*) Đây là các khoản phải trả Ngân hàng liên quan tới nhập khẩu, mua hàng hóa từ dịch vụ L/C (thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay) do Ngân hàng phát hành. Theo đó, Ngân hàng đối ứng thanh toán cho người hưởng ngoài nước và hưởng phí dịch vụ tương ứng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Đơn vị tính: VND Số cuối năm
	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)		Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn					
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 18.1)	2.000.000.000		157.505.064.815	(157.400.000.000)	2.105.064.815
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	68.311.864.072		94.056.291.218	(125.849.734.392)	36.518.420.898
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 18.4)	50.000.000.000		124.433.333.332	(51.300.000.012)	123.133.333.320
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-		32.600.000.000	(5.000.000.000)	27.600.000.000
TỔNG CỘNG	120.311.864.072		408.594.689.365	(339.549.734.404)	189.356.819.033
Vay dài hạn					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.3)	378.688.534		-	(227.213.112)	151.475.422
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 18.4)	644.262.499.992		58.216.666.676	(257.000.000.000)	445.479.166.668
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-		54.900.000.000	(51.900.000.000)	3.000.000.000
Vay đối tượng khác	-		138.000.000.000	(138.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG	644.641.188.526		251.116.666.676	(447.127.213.112)	448.630.642.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay đối tượng khác ngắn hạn

Số dư cuối năm là khoản vay giao dịch ký quỹ tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers (SBSI) giá trị 2,1 tỷ VND.

18.2 Vay ngân hàng ngắn hạn

Số dư cuối năm bao gồm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo các Hợp đồng vay vốn đáo hạn từ tháng 2 đến tháng 6 năm 2023 với lãi suất từ 5,4%/năm đến 13,5%/năm. Trong đó, bao gồm khoản vay với số dư là 34,9 tỷ VND có tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu và các hợp đồng tiền gửi của Công ty.

18.3 Vay ngân hàng dài hạn

Số dư cuối năm bao gồm một khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay vốn đáo hạn lần cuối vào tháng 7 năm 2023, với lãi suất 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là 3 xe ô tô có giá trị còn lại là 782,5 triệu VND.

18.4 Trái phiếu phát hành

Số dư cuối năm gồm:

- (i) Trái phiếu hoán đổi có giá trị 124 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 7 năm 2020 với thời hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 7 năm 2023. Trái phiếu này có lãi suất cố định 8%/năm và được thế chấp bởi tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty Nhựa An Phát Xanh và một số cổ phiếu của Công ty Nhựa Hà Nội. Theo điều khoản của trái phiếu hoán đổi này, các trái chủ có quyền, vào bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian từ ngày 3 tháng 7 năm 2021 đến ngày đáo hạn của trái phiếu, hoán đổi tất cả hoặc bất kỳ trái phiếu theo cách thức được quy định trong hợp đồng thành cổ phần phổ thông của AAA hoặc của NHH, với điều kiện là khi hoán đổi tất cả các trái phiếu thành cổ phần hoán đổi, tỷ lệ hoán đổi tối đa của cổ phần phổ thông của AAA hoặc NHH không được vượt quá 75% tiền gốc của trái phiếu.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu trên do cổ phiếu có thể được hoán đổi là cổ phiếu của công ty con và trái chủ có quyền yêu cầu thanh toán khoản gốc trái phiếu bằng tiền, do đó, đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả thuộc khoản mục vay ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán riêng.

- (ii) Trái phiếu thường có giá trị 450 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 3 năm 2021 với thời hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 4 năm 2024. Trái phiếu này có lãi suất cố định 9%/năm trong 2 năm đầu và 11,67%/năm cho năm thứ ba và được thế chấp bởi tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty được sở hữu bởi một đối tác doanh nghiệp, một số cổ phiếu Công ty Nhựa An Phát Xanh và một số cổ phiếu Công ty Nhựa Hà Nội được sở hữu bởi Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước				
Số đầu năm	1.466.773.390.000	657.285.989.100	47.567.217.614	2.171.626.596.714
- Tăng vốn trong năm	557.449.830.000	(285.550.000)	-	557.164.280.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	69.964.770.934	69.964.770.934
- Chia cổ tức	-	-	(5.644.287.288)	(5.644.287.288)
Số cuối năm	<u>2.024.223.220.000</u>	<u>657.000.439.100</u>	<u>111.887.701.260</u>	<u>2.793.111.360.360</u>
Năm nay				
Số đầu năm	2.024.223.220.000	657.000.439.100	111.887.701.260	2.793.111.360.360
- Tăng vốn trong năm (i)	487.768.260.000	(487.768.260.000)	-	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	67.034.548.638	67.034.548.638
- Chia cổ tức	-	-	(5.804.864.707)	(5.804.864.707)
Số cuối năm	<u>2.511.991.480.000</u>	<u>169.232.179.100</u>	<u>173.117.385.191</u>	<u>2.854.341.044.291</u>

(i) Theo Nghị quyết số 231201/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết số 241201/2021/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng quản trị và Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán cổ phiếu ra công chúng số 34/2021/GCNCQP-VSD-4 ngày 4 tháng 3 năm 2022 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty đã phát hành thêm tổng cộng 48.776.826 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền là 100:25. Theo đó, vốn cổ phần đã phát hành của Công ty tăng thêm trong năm với số tiền là 487,8 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Cổ tức

	Năm nay	Đơn vị tính: VND
Cổ tức đã công bố trong năm		Năm trước
Cổ tức phải trả cho cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi	5.804.864.707	5.644.287.288

19.3 Cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phần đăng ký phát hành				
Cổ phần phổ thông	243.884.268	2.438.842.680.000	195.107.442	1.951.074.420.000
Cổ phần ưu đãi (*)	7.314.880	73.148.800.000	7.314.880	73.148.800.000
Cổ phần đã bán ra công chúng				
Cổ phần phổ thông	243.884.268	2.438.842.680.000	195.107.442	1.951.074.420.000
Cổ phần ưu đãi (*)	7.314.880	73.148.800.000	7.314.880	73.148.800.000
Cổ phần đang lưu hành				
Cổ phần phổ thông	243.884.268	2.438.842.680.000	195.107.442	1.951.074.420.000
Cổ phần ưu đãi (*)	7.314.880	73.148.800.000	7.314.880	73.148.800.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phần).

(*) Theo Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi ngày 31 tháng 1 năm 2018, Công ty KB đã mua 14.114.880 cổ phần ưu đãi cổ tức với tổng số tiền là 352.872.000.000 VND, trong đó số tiền 141.148.800.000 VND đã được ghi nhận vào vốn cổ phần đã góp theo mệnh giá cổ phiếu ưu đãi và phần còn lại với số tiền là 211.723.200.000 VND đã được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Cổ phần ưu đãi cổ tức này có mức cổ tức phải trả tương đương với 3%/năm của giá phát hành ban đầu. Cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền hoàn đổi sang cổ phần phổ thông của Công ty theo quyền chọn của KB bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian (i) bắt đầu từ ngày đầu tiên của kỳ hạn ba mươi (30) tháng kể từ ngày phát hành hoặc vào ngày kết thúc một đợt phát hành cổ phần phổ thông lần đầu ra công chúng (IPO), tùy theo thời điểm nào đến sớm hơn, và (ii) ngày cuối cùng của thời hạn năm (5) năm kể từ ngày phát hành và một số quyền chọn khác của KB được quy định trong Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi và Hợp đồng quyền chọn ngày 31 tháng 1 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	200.993.230.329	300.138.912.574
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	159.904.180.308	246.004.786.479
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	41.089.050.021	54.134.126.095
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	200.993.230.329	300.138.912.574
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	59.904.969.234	59.448.127.108
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	141.088.261.095	240.690.785.466

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	158.163.242.375	37.097.986.137
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	18.409.074.181	10.930.928.967
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	80.271.510.200
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.549.402.549	1.257.753.567
TỔNG CỘNG	181.121.719.105	129.558.178.871

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng bán	154.509.209.862	243.593.453.428
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.005.249.481	4.019.374.233
TỔNG CỘNG	157.514.459.343	247.612.827.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	67.013.611.129	67.962.442.949
Lỗ từ hoán đổi trái phiếu	22.349.980.462	6.487.066.106
Chi phí tài chính khác	793.890.801	366.663.740
TỔNG CỘNG	90.157.482.392	74.816.172.795

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên quản lý	26.151.632.779	18.141.744.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.791.557.867	12.890.770.967
Chi phí khấu hao và hao mòn	869.731.637	626.771.286
Chi phí dự phòng	6.630.412.603	-
Chi phí bằng tiền khác	5.521.146.504	4.322.830.272
TỔNG CỘNG	52.964.481.390	35.982.117.446

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	29.109.683.345	22.161.119.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.539.342.922	13.228.470.767
Chi phí dự phòng	6.630.412.603	-
Chi phí khấu hao và hao mòn	893.758.795	626.771.286
Chi phí bằng tiền khác	5.521.146.504	4.320.195.472
TỔNG CỘNG	57.694.344.169	40.336.556.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	79.899.714.952	69.964.770.934
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	15.979.942.990	13.992.954.187
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Chi phí lãi vay vượt mức quy định theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	1.216.774.865	3.067.334.502
Các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ	377.398.740	217.704.291
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(74.244.085)	(16.202.790.210)
Chênh lệch tỷ giá đánh giá khoản phải thu	(10.171.440)	24.071.896
Điều chỉnh khác	(516.077.576)	-
Chuyển lỗ năm trước	(4.108.457.180)	(1.099.274.666)
Chi phí thuế TNDN	12.865.166.314	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

25.3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2022	Đơn vị tính: VND	
				Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2022
2017	2022	1.212.963.702	(1.212.963.702)	-	-
2018	2023	24.436.143.629	(24.436.143.629)	-	-
2019	2024	3.823.735.471	(3.823.735.471)	-	-
TỔNG CỘNG		29.472.842.802	(29.472.842.802)	-	-

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

Chi phí lãi vay vượt mức quy định theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP

Theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP, chi phí lãi vay không được khấu trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp sau phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển đến năm	Chi phí lãi vay không được khấu trừ	Đã chuyển đến ngày 31/12/2022	Đơn vị tính: VND	
				Không được chuyển	Chưa chuyển tại ngày 31/12/2022
2018	2023	1.286.137.196	-	-	1.286.137.196
2019	2024	9.089.540.057	-	-	9.089.540.057
2020	2025	14.030.540.484	-	-	14.030.540.484
2021	2026	15.336.672.508	-	-	15.336.672.508
2022	2027	6.083.874.325	-	-	6.083.874.325
TỔNG CỘNG		45.826.764.570	-	-	45.826.764.570

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với chi phí lãi vay không được trừ nêu trên do Công ty không chắc chắn được tổng chi phí lãi vay phát sinh của kỳ tiếp theo thấp hơn mức quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên có liên quan của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày tại mục (VII) trong Báo cáo tình hình quản trị số 300103/2023/BC-APH theo các quy định pháp luật và đã được công bố thông tin đại chúng ngày 30 tháng 1 năm 2023.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.229.166.667	30.678.800
		Mua hàng hóa dịch vụ	1.170.278.127	76.190.872.254
		Chuyển nhượng cổ phần	370.134.030.000	56.862.767.100
		Góp vốn	489.600.000.000	494.269.508.201
		Cổ tức	-	75.309.822.000
Công ty An Thành	Công ty con	Doanh thu bán hàng	92.267.432.682	69.690.701.983
		Đi vay	-	1.600.000.000
		Trả tiền vay	-	33.955.000.000
		Cho vay	-	51.000.000.000
		Nhận lại tiền cho vay	-	51.000.000.000
Công ty An Cường	Công ty con	Doanh thu bán hàng	-	135.985.295.098
		Đi vay	4.600.000.000	-
		Cho vay	60.000.000.000	96.000.000.000
		Nhận lại tiền cho vay	60.000.000.000	96.000.000.000
Công ty APA	Công ty con	Doanh thu bán hàng	11.108.641.876	17.484.109.585
		Mua hàng hóa dịch vụ	4.198.487.055	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết	Đi vay	-	3.000.000.000
		Trả tiền vay	-	5.000.000.000
Công ty An Vinh	Công ty con	Cho vay	-	20.000.000.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.818.181.818	-
		Nhận lại tiền cho vay	-	20.000.000.000
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.272.727.273	-
		Cổ tức	-	19.003.367.000
		Chuyển nhượng cổ phần	1.400.000.000	-
		Góp vốn	181.850.430.000	-
Công ty Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Đi vay	-	26.100.000.000
		Trả tiền vay	-	26.100.000.000
		Lãi cho vay	376.786.302	3.434.671.231
		Cho vay	-	113.000.000.000
		Nhận lại tiền cho vay	59.750.000.000	53.250.000.000
Công ty VMC	Công ty con	Cho vay	10.400.000.000	9.000.000.000
		Nhận lại tiền cho vay	13.400.000.000	6.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty An Trung	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.818.181.818	-
		Cho vay	-	15.525.000.000
		Nhận lại tiền cho vay	11.425.000.000	4.100.000.000
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Doanh thu bán hàng	18.565.574.416	-
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.000.000.000	-
		Đi vay	56.900.000.000	-
		Trả tiền vay	56.900.000.000	-
		Lãi cho vay	1.834.575.342	-
		Cho vay	194.000.000.000	-
		Nhận lại tiền cho vay	194.000.000.000	-
Công ty An Tín	Công ty con	Đi vay	24.000.000.000	-
Công ty PBAT	Công ty con	Cho vay	3.870.000.000	-
		Góp vốn	14.000.000.000	106.000.000.000
Công An Phát Complex 1	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	17.500.000.000
		Đi vay	-	11.900.000.000
		Trả tiền vay	-	87.950.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	1.010.537.000	192.190.000
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Lãnh đạo chủ chốt	Hoàn ứng	1.161.877.396	-
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	934.800.000	700.000.000
		Hoàn ứng	1.500.000.000	14.267.717
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	3.328.000.000	110.000.000
		Hoàn ứng	3.328.000.000	110.000.000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	15.486.884.015	8.625.854.377
		Hoàn ứng	17.322.000.000	5.805.500.000
Công ty Nhựa bao bì Vinh	Công ty liên kết	Cổ tức	-	3.312.394.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, cho vay và đi vay với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay và đi vay có lãi suất) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu bán hàng hóa	14.602.219.200	-
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết từ tháng 12 năm 2022	Phải thu về cung cấp dịch vụ	3.223.500.000	
Công ty An Thành	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa	-	25.659.772.181
Công ty APA	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa	-	17.540.021.203
			17.825.719.200	43.199.793.384
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</i>				
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Trả trước tiền hàng	10.254.250.000	5.696.250.000
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Trả trước tiền hàng	-	10.704.420.000
			10.254.250.000	16.400.670.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải thu cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>					
Công ty PBAT	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.870.000.000	-	
Công ty Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	59.750.000.000	
Công ty An Trung	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	11.425.000.000	
Công ty VMC	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	3.000.000.000	
			3.870.000.000	74.175.000.000	
<i>Phải thu khác ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</i>					
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	3.985.238.392	5.820.354.377	
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Đặt cọc	927.062.349	3.260.958.327	
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	738.716.155	7.612.762	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	120.532.283	685.732.283	
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	15.124.206	849.001.602	
Bên liên quan khác		Lãi vay và phải thu khác	261.111.360	3.630.903.287	
			6.047.784.745	14.254.562.638	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)</i>					
Công ty An Tín	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	8.704.800	-	
Công ty AnBio	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	-	39.482.629	
			8.704.800	39.482.629	
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</i>					
Công ty An Thành	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa, dịch vụ	5.883.512.501	-	
			5.883.512.501	-	
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)</i>					
Công ty KB	Cổ đông	Cổ tức phải trả	818.096.266	818.096.266	
Công ty An Tín	Công ty con	Lãi vay	618.306.982	-	
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết	Lãi vay	160.000.000	-	
Công ty An Cường	Công ty con	Lãi vay	92.030.685	-	
			1.688.433.933	818.096.266	
<i>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</i>					
Công ty An Tín	Công ty con	Vay ngắn hạn	24.000.000.000	-	
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết	Vay ngắn hạn	2.000.000.000	-	
		từ tháng 12 năm 2022			
Công ty An Cường	Công ty con	Vay ngắn hạn	1.600.000.000	-	
			27.600.000.000	-	
<i>Vay dài hạn (Thuyết minh số 18)</i>					
Công ty An Cường	Công ty con	Vay dài hạn	3.000.000.000	-	
			3.000.000.000	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021)	-	60.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023)	787.604.321	700.879.333
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023)	731.250.321	596.036.128
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Thường trực	801.278.523	662.985.327
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên HĐQT	120.000.000	60.000.000
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT	120.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022)	189.732.489	199.482.552
TỔNG CỘNG		3.169.865.654	2.759.383.340

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau bao gồm các bộ phận kinh doanh: cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và bán hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm về nhựa.

Công ty theo dõi hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lãi lỗ và được xác định một cách nhất quán với lãi lỗ của Công ty trên báo cáo tài chính riêng. Tuy nhiên, hoạt động tài chính của Công ty (bao gồm chi phí tài chính và doanh thu tài chính) được theo dõi trên cơ sở tập trung và không phân bổ cho từng bộ phận.

Ban Tổng Giám đốc cũng xác định hoạt động kinh doanh tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

27.1 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Doanh thu	Cung cấp dịch vụ VND	Bán hàng hóa VND	Điều chỉnh và loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	41.089.050.021	159.904.180.308	-	200.993.230.329
Tổng doanh thu	41.089.050.021	159.904.180.308	-	200.993.230.329
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Khấu hao và hao mòn	782.858.644	110.900.151	-	893.758.795
Lỗ trước thuế theo bộ phận	(8.308.696.286)	(2.901.627.416)	-	(11.210.323.702)
Lợi nhuận trước thuế không phân bổ				91.110.038.654
Tổng lợi nhuận trước thuế				79.908.169.222
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong năm	3.579.497.427	507.073.416	-	4.086.570.843
Tài sản bộ phận	20.533.357.843	33.905.965.392	-	54.439.323.235
Tài sản không phân bổ				3.494.887.029.507
Tổng tài sản				3.549.326.352.742
Tổng nợ phải trả theo bộ phận	3.619.907.442	21.120.391.888	-	24.740.299.330
Tổng nợ phải trả không phân bổ				670.245.009.121
Tổng nợ phải trả				694.985.308.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

27.2 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cung cấp dịch vụ VND	Bán hàng hóa VND	Điều chỉnh và loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	54.134.126.095	246.004.786.479	-	300.138.912.574
Tổng doanh thu	54.134.126.095	246.004.786.479	-	300.138.912.574
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Khấu hao và hao mòn	597.997.881	28.773.405	-	626.771.286
Lỗ trước thuế theo bộ phận	15.784.477.861	424.424.606	-	16.208.902.467
Thu nhập trước thuế không phân bổ				53.755.868.467
Tổng lợi nhuận trước thuế				69.964.770.934
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong năm	1.274.209.829	61.310.176	-	1.335.520.005
Tài sản bộ phận	63.129.343.956	80.411.997.547	-	143.541.341.503
Tài sản không phân bổ				3.454.330.491.293
Tổng tài sản	1.567.821.059	7.627.214.382	-	3.597.871.832.796
Tổng nợ phải trả theo bộ phận				9.195.035.441
Tổng nợ phải trả không phân bổ				795.565.436.995
Tổng nợ phải trả				804.760.472.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty đã ký kết một số hợp đồng thuê hoạt động gồm văn phòng và ô tô. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số tiền cam kết thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động ước tính như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	3.099.372.132	3.585.627.256
Từ 1 năm đến 5 năm	7.607.697.080	-
TỔNG CỘNG	10.707.069.212	3.585.627.256

Các cam kết khác

Công ty đã thế chấp một số cổ phiếu AAA của Công ty Nhựa An Phát Xanh và một số cổ phiếu NHH của Công ty Nhựa Hà Nội, được nắm giữ bởi Công ty, cho các khoản vay ngân hàng và các khoản trái phiếu phát hành bởi Công ty Nhựa An Phát Xanh cho Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam, Tập đoàn Shinhan Investment, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh và Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ		
Yên Nhật (JPY)	81.000,00	81.000,00
Đô la Mỹ (USD)	15.665,39	282.233,38
Dirham (DIR)	1.680,00	1.680,00

30. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế và hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày


31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Trong tháng 2 năm 2023, Công ty đã chuyển nhượng 8.400.000 cổ phần Công ty PBAT, tương đương tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 28,38% với tổng giá phí 117,6 tỷ VND. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh nhận chuyển nhượng 5.300.000 cổ phần, Công ty Nhựa Hà Nội nhận chuyển nhượng 3.100.000 cổ phần. Sau giao dịch này, Công ty không còn sở hữu cổ phần Công ty PBAT, tỷ lệ sở hữu trực tiếp 0%.

Theo Nghị quyết số 291102/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết số 121201/2022/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2022, Hội đồng quản trị thông qua phương án mua lại cổ phần ưu đãi cổ tức, hoàn lại và có thể chuyển đổi năm 2018 (“Cổ phiếu ưu đãi”), Công ty đã hoàn tất mua lại 7.314.880 cổ phiếu ưu đãi với giá mua 29.239 VND/cổ phiếu trong tháng 3 năm 2022. Sau giao dịch này, vốn cổ phần đã phát hành của Công ty giảm 73,1 tỷ VND.

Theo Nghị quyết số 230301/2023/NQ – HĐQT ngày 23 tháng 3 năm 2023, Hội đồng quản trị thông qua phương án mua lại một phần trái phiếu APH-H2124-001 trước hạn. Thời gian dự kiến mua lại trong tháng 4 năm 2023 với khối lượng trái phiếu dự kiến mua lại theo mệnh giá là 148 tỷ VND.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Hồ Thị Hòa
Người lập kiêm kế toán trưởng




Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023



